

THỐNG KÊ VỀ HỘI VIÊN NĂM 2024

STT	Đơn vị	Tổng số hội viên cuối năm trước	Phát triển mới	Số giảm	Tổng số Hội viên hiện có	Tổng dân số	Tỷ lệ hội viên so với dân số (%)	Số hội viên là đảng viên	Số đảng viên tại địa phương	Tỷ lệ so với tổng số đảng viên	Số hội viên đã được cấp thẻ	Tỷ lệ hội viên được cấp thẻ	Số hội viên đóng hội phí	Tỷ lệ hội viên đóng hội phí	Hội viên LLVT
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=(2)+(3)-(4)</i>	<i>6</i>	<i>7=(5)/(6)*100</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10=(8)/(9)*100</i>	<i>11</i>	<i>12=(11)/(5)*100</i>	<i>13</i>	<i>14=(13)/(5)*100</i>	
1	THPT LÊ TRỌNG TẤN	119	2	2	119	119	100,00	39	0	100,00	0	0,00	0	0,00	0

THỐNG KÊ VỀ TỔ CHỨC HỘI NĂM 2024

[illegible]

THỐNG KÊ CÁC DANH HIỆU ĐƯỢC CÔNG NHẬN NĂM 2024
(Thực hiện Quyết định 387/QĐ-TTg)

STT	Đơn vị	Gia đình học tập			Dòng họ học tập			Cộng đồng học tập (Cấp khu phố, ấp)			Đơn vị học tập (Cấp xã quản lý)			Ghi chú
		Số gia đình trong địa phương	Số được công nhận "Gia đình học tập"	Tỉ lệ % được công nhận "GDHT"	Số dòng họ trong địa phương	Số được công nhận "Dòng họ học tập"	Tỉ lệ % được công nhận "DHHT"	Số khu phố, ấp trong địa phương	Số được công nhận "Cộng đồng học tập"	Tỉ lệ % được công nhận "CD HT"	Số đơn vị trong địa phương	Số được công nhận "Đơn vị học tập"	Tỉ lệ % được công nhận "ĐVHT"	
	1	2	3	$4=(3)/(2)*100$	5	6	$7=(6)/(5)*100$	8	9	$10=(9)/(8)*100$	11	12	$13=(12)/(11)*100$	14
1	THPT LÊ TRỌNG TÂN	0	119	100,00	0	0	0,00	0	0	0,00	0	0	0,00	0

BÁO CÁO VẬN ĐỘNG QUỸ KHUYẾN HỌC NĂM 2024

Đơn vị: **Ngàn đồng**

STT	Đơn vị	Tổng số dân của địa phương	Năm trước chuyển sang	Cấp quản lý Quỹ Khuyến học								Bình quân/Tiền quỹ/Dân số (đồng/người)
				Cấp tỉnh quản lý	Cấp huyện quản lý	Cấp xã quản lý	Chi Hội, Ban KH quản lý	Các Dòng họ quản lý	Các Cơ quan, đơn vị quản lý	Các quỹ khác	Tổng Quỹ	
				4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Trường THPT LÊ TRỌNG TÂN	0	17.000.000				57.250.000				74.250.000	

- Số tiền trong báo cáo bao gồm: tiền mặt và tiền quy đổi giá trị các hiện vật, số tiền vận động được qua Quỹ và không qua Quỹ
- Quỹ khuyến học bao gồm phần do UBND quản lý và phần do HKH cùng cấp quản lý
- Từ cột 3 đến cột 11: Đơn vị là Ngàn đồng, máy tự động làm tròn đến ngàn đồng

STT	Đơn vị	Tổng Quỹ	Các khoản chi										Tồn quỹ
			Cấp học bổng		Hỗ trợ học sinh nghèo		Khen thưởng học sinh giỏi		Khen thưởng, hỗ trợ giáo viên		Chi khác	Tổng các khoản chi	
			Số suất	Số tiền	Số suất	Số tiền	Số suất	Số tiền	Số suất	Số tiền			
	1	2		4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	THPT LÊ TRỌNG TÂN	74.250.000	117	53.600.000	0	0	0	0	0	0	3.650.000	57.250.000	17.000.000

- Số tiền trong báo cáo bao gồm cả tiền mặt và tiền quy đổi giá trị các hiện vật

THPT LÊ TRỌNG TẤN

TỔNG HỢP SỐ LIỆU KẾT QUẢ THỰC HIỆN MÔ HÌNH "CÔNG DÂN HỌC TẬP" THEO QUYẾT ĐỊNH 324/QĐ-KHVN Phụ lục 7

STT	Đơn vị	Số đơn vị tham gia				Đối tượng tham gia											
		Phường, xã, thị trấn	Cơ quan	Trường học	Khu phố, ấp	Nhóm I: Nông dân, lao động nông thôn và công dân ở khu dân cư			Nhóm II: Công nhân, người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật			Nhóm III: Cán bộ, công nhân viên, doanh nhân			Nhóm IV: Học sinh, sinh viên, học viên		
						Số đăng ký	Số đạt danh hiệu	Tỷ lệ đạt	Số đăng ký	Số đạt danh hiệu	Tỷ lệ đạt	Số đăng ký	Số đạt danh hiệu	Tỷ lệ đạt	Số đăng ký	Số đạt danh hiệu	Tỷ lệ đạt
	(1).	(2).	(3).	(4).	(5).	(6).	(7).	(8).	(9).	(10).	(11).	(12).	(13).	(14).	(15).	(16).	(17).
1	THPT LÊ TRỌNG TẤN	0	0	1	0	0	0	0,00	0	0	0,00	119	119	100,00	1.795	1.795	90,61
CỘNG		0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	119	119	100	1795	1795	90,61

Ghi chú:

Kết quả này dùng để tính trong 4 mô hình (GDHT, DHHT, CDHT và DVHT)

THỐNG KÊ PHÂN LOẠI HKH CƠ SỞ VÀ TRUNG TÂM HTCD NĂM 2024

STT	Đơn vị	Hoạt động của TTHTCD		Phân loại chất lượng Trung tâm HTCD									Xếp loại Hội Khuyến học cơ sở (xã và tương đương)								
		Tổng số lớp mở tại TT HTCD	Tổng số lượt người tham dự	Tổng số Trung tâm HTC Đ	Xếp loại Tốt	Tỉ lệ %	Xếp loại Khá	Tỉ lệ %	Xếp loại TB	Tỉ lệ %	Xếp loại Yếu	Tỉ lệ %	Tổng số xã	Xếp loại Tốt	Tỉ lệ %	Xếp loại Khá	Tỉ lệ %	Xếp loại TB	Tỉ lệ %	Xếp loại chưa đạt	Tỉ lệ %
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1	THPT LÊ TRỌNG TẤN	0	0	1	119	100,00	0	0,00	0,00	0,00	0	0,00	0	0	0,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
CỘNG		0	0	1	119	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Lưu ý: Việc phân loại chất lượng TTHTCD được căn cứ vào kết quả phân loại của ngành GD&ĐT

